

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 835/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 8 - 2018

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Định

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trịnh Thị Xuân Hoài

Bà Cao Thị Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh B xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 500/2018/TLST-HNGĐ ngày 22.5.2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị T; Cư trú tại 100 V, thành phố Q, tỉnh B. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh K; Nơi ĐKKHKT: Tổ 53, khu vực 10, phường Đ, thành phố Q, tỉnh B; Cư trú tại 88/3 V, thành phố Q, tỉnh B. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 5 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh K tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 19.5.2010 tại UBND phường Đ, thành phố Q. Quá trình chung sống, thời gian đầu cuộc sống

vợ chồng hạnh phúc bình thường nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do cả hai không phù hợp về quan điểm sống, vợ chồng ít có cơ hội gặp gỡ, nói chuyện dẫn đến tình cảm ngày càng phai nhạt. Từ tháng 6/2016 mâu thuẫn vợ chồng trở nên gay gắt chị dẫn cháu nhỏ tên O về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Nay chị thấy tình cảm, trách nhiệm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn anh K.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên I, sinh ngày 02.8.2011 và O, sinh ngày 21.01.2013. Hiện cháu O đang sống với chị, cháu I đang sống với anh K sức khỏe hai cháu bình thường, nếu ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu O, đồng ý giao cháu I cho anh K được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

- *Bị đơn anh K*: Vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Riêng bị đơn anh K không thực hiện các quyền, nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của BLTTDS. Về việc giải quyết vụ án đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T; Giao con chung là cháu O cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu I cho anh K được trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Không bên nào phải cấp dưỡng cho bên nào; Về tài sản chung: Không yêu cầu, Tòa không giải quyết; Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn chị T với bị đơn anh K là tranh chấp về “Ly hôn, nuôi con chung”. Anh K hiện cư trú tại 88/3 V, thành phố Q, tỉnh B nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh B thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án anh K có đơn đề nghị

xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa tiến hành xét xử vắng mặt anh K.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh K tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 19.5.2010 tại UBND phường Đ, TP. Q nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc bình thường nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị T trình bày do cả hai không phù hợp về quan điểm sống, vợ chồng ít có cơ hội gặp gỡ, nói chuyện dẫn đến tình cảm ngày càng phai nhạt. Bị đơn anh K có đơn trình bày thống nhất về thời gian, điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng, vì điều kiện công việc anh đề nghị Tòa xét xử vắng mặt. HĐXX thấy, mâu thuẫn giữa chị T, anh K đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu I, sinh ngày 02.8.2011 và O, sinh ngày 21.01.2013. Hiện cháu O đang sống với chị T, cháu I đang sống với anh K sức khỏe hai cháu bình thường. HĐXX thấy rằng, từ nhỏ cháu O sống với chị T, cháu I sống với anh K cuộc sống ổn định, các cháu phát triển bình thường. Mặt khác, chị T, anh K đều thống nhất nếu ly hôn chị T nuôi dưỡng cháu O, anh K nuôi dưỡng cháu I. Nguyên vọng của cháu I là muốn sống với cha. Do đó, cần giao cháu O cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu I cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

[4] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chị T phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ-ST.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147, Khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56,

Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị T và anh K

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là cháu O, sinh ngày 21.01.2013 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung là cháu I, sinh ngày 02.8.2011 cho anh K được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

Vì lợi ích của con, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ-ST được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0006461 ngày 22.5.2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn (đã nộp xong).

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh K vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ/.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND, CCTHADS Tp Q;
- TANDTP.Q;
- UBND P. Đ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Định

